

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khoá XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 1148/SNN-KHTH ngày 12/4/2024 về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khoá XII, Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

I. CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT

Chi cục Kiểm lâm đã tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khoá XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế cho toàn lực lượng kiểm lâm. Qua đó đã góp phần chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa về nhận thức, ý thức trách nhiệm của công chức, người lao động về vai trò, tầm quan trọng và ý nghĩa của việc nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

a) Lực lượng kiểm lâm, chủ rừng và các đơn vị ở địa phương tăng cường tổ chức tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; tổ chức lực lượng chốt chặn các điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản; phối hợp kiểm tra, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn, chiếm rừng trái pháp luật, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm;

Thực hiện quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; thực hiện các dự án hỗ trợ trồng rừng phòng hộ; thực hiện trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; phát triển trồng rừng sản xuất, ... Qua đó đã góp phần nâng độ che phủ rừng của tỉnh từ 55,2% vào năm 2019 lên 57,32% vào năm 2023 và phấn đấu đến năm 2025 độ che phủ rừng đạt 58%.

b) Người trồng rừng trên địa bàn tỉnh hiện nay không còn trồng rừng theo hình thức quảng canh mà đã chuyển sang trồng rừng thâm canh, như: thực hiện bón

phân, phát thực bì, sử dụng cây giống nuôi cấy mô để trồng rừng, ... nên chất lượng và năng suất rừng trồng ngày càng được nâng cao. Năng suất rừng trồng bình quân năm 2020 là 20 m³/ha/năm, đến nay là 22 m³/ha/năm; đối với rừng trồng gỗ lớn, năng suất bình quân đạt tới 25 m³/ha/năm.

c) Thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, lĩnh vực lâm nghiệp của tỉnh phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo phương thức phát triển vùng rừng trồng cây gỗ lớn tập trung, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị từ trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nâng cao giá trị gia tăng lâm sản hàng hoá. Đến nay, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên toàn tỉnh là 5.234,40 ha. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC, đến nay, là 10.891,20 ha, trong đó: rừng tự nhiên 1.450,0 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh (khu vực bảo vệ ven suối) 217,0 ha, diện tích rừng trồng 9.224,2 ha.

d) Bên cạnh việc nâng cao giá trị gia tăng của lâm nghiệp khi chuyển đổi từ trồng rừng gỗ nhỏ sang trồng rừng gỗ lớn. Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn còn chỉ đạo, hướng dẫn các chủ rừng thực hiện quản lý bền vững trên diện tích rừng hiện có để đạt được các mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng, không làm suy giảm các giá trị và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm quốc phòng-an ninh. Đến nay, có 09/11 ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và công ty TNHH lâm nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và còn 03/11 ban quản lý rừng phòng hộ đang hoàn chỉnh Phương án để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Để góp phần nâng cao chất lượng, số lượng cây giống nuôi cấy mô phục vụ trồng rừng sản xuất của tỉnh, các đơn vị sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp đã mạnh dạn đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, đến nay, trên địa bàn tỉnh có 03 đơn vị (*DNTN Nguyễn Hạnh, Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn và Công ty TNHH Vũ Hà*) áp dụng công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp để cung cấp cho nhu cầu trồng rừng của tỉnh với: diện tích nhà nuôi cấy mô được xây dựng là 5.000 m², công suất sản xuất khoảng 32 triệu cây giống/cây.

Bên cạnh việc tiếp tục đưa vào sản xuất các giống quốc gia, như: Keo lai các dòng: BV10, BV16, BV32, BV33, BV71, BV75, ... Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn đã phối hợp với Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam nghiên cứu, khảo nghiệm và được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận 10 giống Keo lai, gồm các dòng: BV055, BV071, BV073, BV110, BV340, BV376, BV566, BV586 và 2 giống Keo lá tràm (LT70, LT156) có năng suất cao và chất lượng tốt phục vụ trồng rừng ở vùng Nam Trung Bộ, đây là những giống sinh trưởng nhanh, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu gió bão để phục vụ trồng rừng gỗ lớn vùng Nam Trung Bộ.

b) Ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và cảnh báo nguy cơ cháy rừng, cụ thể:

- Chi cục Kiểm lâm ứng dụng phần mềm Mapinfor, phần mềm QGis để theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp; các dữ liệu về tài nguyên rừng, đất rừng được số hóa; xây dựng cơ sở dữ liệu và biên tập bản đồ trên nền dữ liệu các lô rừng quản lý và các lô rừng biến động do các nguyên nhân như cháy rừng, phá rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, trồng mới, khai thác, sâu bệnh,...

- Ứng dụng công nghệ viễn thám: Chi cục Kiểm lâm ứng dụng phần mềm Vtools mapinfo, Google Earth,... để phục vụ công tác theo dõi hiện trạng rừng, giúp thu thập dữ liệu hình ảnh nhanh, kịp thời đối chiếu giữa bản đồ hiện trạng rừng với ảnh vệ tinh tại thời điểm cập nhật để phát hiện sớm các biến động về diện tích, hiện trạng thay đổi rừng để kịp thời tổ chức kiểm tra, xác minh ngoài hiện trường, cập nhật theo quy định.

- Ngoài ra, lực lượng kiểm lâm tỉnh còn tìm hiểu, nghiên cứu các phần mềm GIS có liên quan để phục vụ công tác, trong đó các phần mềm, ứng dụng trên máy vi tính như: Mapsource, Mapinfo, Global Mapper, Google Earth, FME,...; các ứng dụng trên điện thoại: GPS Kit, Igeotrans X, Google Earth, Locus Map Free, MAPinr, SW Maps, Tọa độ VN,... Việc sử dụng các ứng dụng đã hỗ trợ rất tốt cho lực lượng kiểm lâm trong quá trình tác nghiệp ngoài thực địa, dữ liệu có thể kết xuất chuyển sang sử dụng trên nền các phần mềm GIS trên máy vi tính để phục vụ số hóa, cắt tách diện tích biến động hoặc thống kê số liệu phục vụ công tác, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và công tác theo dõi, cập nhật diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin để phát hiện sớm các điểm cháy rừng: Hiện nay lực lượng kiểm lâm đang ứng dụng phần mềm cảnh báo cháy rừng trên hệ thống thông tin cảnh báo cháy sớm tại địa chỉ Website: <http://kiemlam.org.vn> hoặc <http://kiemlambinhdinhsnnptnt.binhdinhh.gov.vn> để phát hiện sớm các điểm cháy rừng, góp phần tổ chức triển khai chữa cháy kịp thời, giảm đáng kể thiệt hại do cháy rừng gây ra.

d) Ứng dụng phần mềm thống kê các vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp: Chi cục Kiểm lâm đã ứng dụng phần mềm thống kê các vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp và triển khai cho các đơn vị trực thuộc thực hiện việc cập nhật đối tượng vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Nhờ ứng dụng phần mềm, công tác xác minh, truy cứu đối tượng vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh được nhanh chóng, kịp thời và chính xác, đảm bảo được tính hiệu quả trong quá trình đấu tranh, xác minh đối tượng vi phạm, củng cố hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đảm bảo thời hạn theo đúng quy định của pháp luật.

đ) Ngoài ra, lực lượng kiểm lâm tỉnh còn tìm hiểu, nghiên cứu các phần mềm GIS có liên quan (các phần mềm, ứng dụng trên máy vi tính và trên thiết bị di động) để phục vụ công tác. Việc sử dụng các ứng dụng trên điện thoại hỗ trợ rất tốt cho lực lượng kiểm lâm trong quá trình tác nghiệp ngoài thực địa, dữ liệu có thể kết xuất chuyển sang sử dụng trên nền các phần mềm GIS trên máy vi tính để phục vụ số hóa, cắt tách diện tích biến động hoặc thống kê số liệu phục vụ công tác, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và công tác theo dõi, cập nhật diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tình trạng khai thác vận chuyển gỗ trái phép và lấn biên rừng làm rẫy vẫn còn xảy ra. Do đặc thù hoạt động sản xuất lâm nghiệp có địa bàn rộng, trải dài và giáp ranh với các tỉnh. Mặt khác, người dân sống gần rừng chủ yếu là người dân tộc thiểu số, đời sống còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí hạn chế, sống phụ thuộc nhiều vào rừng nên gây áp lực cho công tác quản lý bảo vệ rừng.

2. Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn có chu kỳ dài, chi phí đầu tư lớn, nhưng lãi suất vay từ các ngân hàng thương mại thường cao, hạn mức vay có hạn, thời gian vay ngắn. Chưa có chính sách ưu đãi về lãi vay cho đầu tư trồng rừng gỗ lớn, chính sách bảo hiểm rừng trồng.

3. Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất lâm nghiệp mang lại hiệu quả nhưng đòi hỏi cao về công nghệ, vốn đầu tư... nên việc nhân rộng các mô hình công nghệ cao gặp khó khăn. Kinh phí đầu tư công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp khá cao, khoảng 5 tỷ đồng/01 nhà nuôi cấy mô, gồm: kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, chuyển giao công nghệ nuôi cấy mô và kinh phí chuyên giao bình giống gốc từ tác giả nguồn giống. Vì vậy, số lượng đơn vị đầu tư công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp còn ít chưa đáp ứng đủ nhu cầu cây nuôi cấy mô phục vụ công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh.

4. Phần mềm GIS phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng nói chung và theo dõi diễn biến rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng nói riêng yêu cầu máy vi tính có cấu hình cao, tuy nhiên máy vi tính của lực lượng kiểm lâm và các đơn vị chủ rừng đang còn thiếu, cũ chưa đảm bảo so với yêu cầu.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Bối cảnh và điều kiện mới đặt ra

Giá trị sản phẩm gỗ ngày càng tăng, hoạt động kinh doanh rừng trồng đang dịch chuyển từ trồng rừng gỗ nhỏ sang trồng rừng gỗ lớn, cung cấp cho chế biến gỗ xuất khẩu.

Hoạt động lâm nghiệp đang phát triển theo hướng không chỉ trồng và bảo vệ rừng bền vững mà đang dịch chuyển sang hướng cung cấp dịch vụ môi trường rừng và bán tín chỉ CO₂. Đây là nguồn tài chính bù đắp lại khoản kinh phí bảo vệ, phát triển rừng mà mức hỗ trợ của nhà nước chưa đủ, giảm thiểu áp lực lên ngân sách Nhà nước, bổ sung kinh phí cho việc quản lý, bảo vệ rừng, tạo động lực cho người dân làm cho rừng giàu lên.

2. Kiến nghị, đề xuất

a) Đề nghị Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách quy định về hoạt động thương mại Carbon trong lâm nghiệp để sớm đem lại nguồn thu phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

b) Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, khảo nghiệm để đưa giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất cao, tính chống chịu sâu

bệnh hại và môi trường khắc nghiệt phù hợp với mục đích kinh doanh gỗ lớn, phù hợp với từng loại lập địa.

c) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm đầu tư trang bị máy móc, thiết bị cấu hình cao, hiện đại để đảm bảo phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng nói chung và theo dõi diễn biến rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KH-TH Sở;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu